

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2022
“*V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI - TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Đỗ Thị Hân và bà Lê Thị Thu Anh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái tham gia phiên tòa: ông Vương Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022. Tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1993

Nơi đăng ký thường trú: số 05, đường T, khu 3, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi ở hiện tại: số 97, đường N, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990

Nơi đăng ký thường trú: số 05, đường T, khu 3, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2021 và bản tự khai ngày 09/5/2022 nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày:

Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Năm 2018, vợ chồng chị T, anh K chuyển đến sinh sống tại khu 3, phường H, thành phố M. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm về cách sống, anh K thường xuyên chửi bới, đánh đập vợ và không có trách nhiệm của một người chồng, người cha trong gia đình; mặt khác, anh K có quan hệ ngoài

hôn nhân với người con gái khác từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Năm 2019, chị T và anh K đã sống ly thân, chị T về phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam sinh sống cùng con chung là cháu Nguyễn Thị Phương N. Nay chị T thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Văn K có 01 (một) con chung là Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 24/8/2017. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thị Phương N cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Nguyễn Văn K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Văn K không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh K vẫn không có mặt để thể hiện ý kiến của mình về vụ án.

Theo kết quả xác minh tại khu 3, phường H, thành phố M được biết: trong quá trình sinh sống tại nơi thường trú vợ chồng chị T và anh K không có vi phạm gì, chị T và anh K hiện nay không còn chung sống với nhau mà mỗi người sinh sống một nơi, việc chị T và anh K có mâu thuẫn hay không thì khu phố 3, phường H, thành phố M không nắm được.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Trần Thị Thu T có đơn xin xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Các đương sự không có thỏa thuận gì về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử đã đảm bảo đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa nên không thực hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu T. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Phương N cho chị Trần Thị Thu T nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: về quan hệ tranh chấp chị Trần Thị Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn, theo qui định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn có đăng ký thường trú tại khu 3, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự, bị đơn anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái tổng đạt văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo qui định của pháp luật nhưng anh K vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Chị Trần Thị Thu T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử, xử vắng mặt anh K và chị T theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn chị Trần Thị Thu T và bị đơn anh Nguyễn Văn K kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng chị T, anh K trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra; nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm về cách sống, không có trách nhiệm với con cái và có hành vi bạo lực gia đình; mặt khác, anh K có quan hệ ngoài hôn nhân với người con gái khác từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được dẫn đến chị T không cam chịu được nên đã sống ly thân từ năm 2019, cắt đứt quan hệ với nhau. Anh K đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc chị T xin ly hôn nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do, như vậy thể hiện anh K không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu T là có căn cứ phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Văn K có 01 (một) con chung là Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 24/8/2017. Hiện nay cháu N đang ở cùng với chị T tại phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam được nuôi dưỡng, chăm sóc phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần; mặt khác, chị T đang làm việc trong lĩnh vực dịch vụ spa tại thành phố T, tỉnh Quảng Nam có công việc và thu nhập ổn định, vì vậy giao cháu Nguyễn Thị Phương N cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp tình, hợp lý và phù hợp quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Trần Thị Thu T không yêu cầu anh Nguyễn Văn K cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là quyền định đoạt của chị T nên cần chấp nhận.

[6] Anh Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: chị Trần Thị Thu T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu T;

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 24/8/2017 cho chị Trần Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: chị Trần Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0007544, ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường T, TP. T;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương